

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 665 /VP-HCC

Đồng Nai, ngày 04 tháng 3 năm 2025

V/v công khai kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp tháng 02/2025 theo Quyết định số 766/QĐ-TTg

Kính gửi:

- Lãnh đạo các Sở, ban ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực trên môi trường điện tử (sau đây viết tắt là Quyết định số 766/QĐ-TTg);

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024 ban hành Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2024 và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 1764/UBND-HCC ngày 21/02/2024; trong đó giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp các đơn vị liên quan định kỳ công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, địa phương để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

Qua theo dõi kết quả đánh giá, xếp loại tháng 02/2025 của các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Văn phòng UBND tỉnh thông báo kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về nguồn dữ liệu và thời điểm đánh giá, xếp loại

- Địa chỉ nguồn số liệu là Cổng Dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>), tại mục “Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương”.

- Số liệu dùng để đánh giá, xếp loại là số liệu được công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại thời điểm đánh giá.

- Thời điểm đánh giá, xếp loại vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 28/02/2025.

2. Về cách tính điểm đạt được của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cách xếp loại cụ thể như sau

- Theo Quyết định số 766/QĐ-TTg thì tổng điểm đánh giá, xếp loại là 100 điểm bao gồm 05 tiêu chí là:

- + Công khai, minh bạch: 18/100 điểm
- + Tiến độ, kết quả giải quyết: 20/100 điểm
- + Số hóa hồ sơ: 22/ 100 điểm
- + Cung cấp dịch vụ trực tuyến: 22/100 điểm
- + Mức độ hài lòng: 18/100 điểm
- Cách tính điểm cụ thể đối với từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ số như sau:
- + Đối với các Sở, ban ngành tỉnh:

Điểm chỉ tiêu thứ i = (Tỷ lệ đạt được của chỉ tiêu thứ i * Mức điểm tối đa của chỉ tiêu thứ i)/100. (Ví dụ: Tại thời điểm đánh giá, xếp loại, Sở A đạt 75% của tiêu chí “Số hóa hồ sơ” thì điểm số tuyệt đối tiêu chí “Số hóa hồ sơ” của Sở A = $75 \times 22/100 = 16,5$ điểm.

+ Đối với UBND cấp huyện và UBND cấp xã: Lấy tổng số điểm mà UBND cấp huyện, UBND cấp xã đạt được trên tổng số 100 điểm tại thời điểm xếp loại để đánh giá, xếp loại (Điểm số tổng hợp 05 tiêu chí của UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được tính sẵn và công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia).

- Kết quả phân loại như sau:
- + Từ 90 đến dưới 100 điểm xếp loại: Xuất sắc.
- + Từ 80 đến dưới 90 điểm xếp loại: Tốt.
- + Từ 70 đến dưới 80 điểm xếp loại: Khá.
- + Từ 50 đến dưới 70 điểm xếp loại: Trung bình.
- + Dưới 50 điểm xếp loại: Yếu.

3. Kết quả đánh giá, xếp loại:

- Cấp tỉnh:
- + Không có cơ quan xếp loại Xuất sắc.
- + Không có cơ quan xếp loại Tốt.
- + Có 03/18 cơ quan xếp loại Khá.
- + Có 14/18 cơ quan xếp loại Trung bình.
- + Không có cơ quan xếp loại Yếu.
- + Có 01/18 cơ quan chưa đưa vào đánh giá xếp loại trong tháng 02/2025.
- Cấp huyện:
- + Không có UBND cấp huyện xếp loại Xuất sắc.
- + Có 06/11 UBND cấp huyện xếp loại Tốt.
- + Có 05/11 UBND cấp huyện xếp loại Khá.
- + Không có UBND cấp huyện xếp loại Trung bình.

- + Không có UBND cấp huyện xếp loại Yếu.
- Cấp xã:
 - + Có 19/159 UBND cấp xã xếp loại Xuất sắc.
 - + Có 61/159 UBND cấp xã xếp loại Tốt.
 - + Có 61/159 UBND cấp xã xếp loại Khá.
 - + Có 18/159 UBND cấp xã xếp loại Trung bình.
 - + Không có UBND cấp xã xếp loại Yếu.

Kèm theo các Phụ lục đánh giá, xếp loại và mức điểm cụ thể đối với các Sở, ban ngành tỉnh (Phụ lục 1), đối với UBND cấp huyện (Phụ lục 2) và đối với UBND cấp xã (Phụ lục 3).

Văn phòng UBND tỉnh trân trọng thông báo công khai kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông Tháng 02/2025 đến các cơ quan, địa phương biết để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tiêu chí đạt tỷ lệ thấp.

4. Trên cơ sở kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh tháng 02/2025, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị:

a) Các sở, ban ngành tỉnh chỉ đạo cán bộ, công chức thường xuyên rà soát, tra cứu quyết định công bố bộ TTHC do Bộ ngành trung ương ban hành, đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC đúng hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung). Quá trình tham mưu công bố TTHC, cần đảm bảo đầy đủ thông tin về các bộ phận tạo thành TTHC theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung).

b) Các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện (chỉ đạo UBND cấp xã):

- Chỉ đạo các đơn vị, phòng ban có liên quan tập trung thực hiện rà soát danh sách hồ sơ xử lý quá hạn của đơn vị trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Egov) để cập nhật tiến trình tiếp nhận, giải quyết theo lưu đồ giải quyết TTHC (quy trình nội bộ/điện tử) từng hồ sơ trễ hạn; xử lý dứt điểm, kết thúc quy trình giải quyết hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, cấu trúc lại quy trình đối với các dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến đang tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm; tiếp tục xây dựng, tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mới, ưu tiên các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông cung cấp ở mức độ toàn trình đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và mục tiêu yêu cầu của Chính phủ.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Thực hiện nghiêm việc báo cáo giải trình của

người đứng đầu, xin lỗi người dân, doanh nghiệp và kịp thời khắc phục đối với các trường hợp để xảy ra chậm muộn, tiêu cực trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị.

- Chỉ đạo các bộ phận liên quan việc giải quyết thủ tục hành chính: số hoá hồ sơ TTHC, kết quả giải quyết TTHC theo đúng hướng dẫn và quy định; đảm bảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử phải có giá trị pháp lý khi đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để tái sử dụng khi cơ quan, cán bộ, công chức, công dân, doanh nghiệp có nhu cầu khai thác các kết quả điện tử.

c) Đối với các chỉ số Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ; Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ; Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: đề nghị các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện có giải pháp tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp triển khai thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; xử lý hồ sơ nộp trực tuyến đúng hạn, góp phần cải thiện, nâng cao chỉ số này của tỉnh.

d) Các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị; đối với kết quả đánh giá, xếp loại UBND cấp xã, đề nghị UBND cấp huyện công khai.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ công khai kết quả đánh giá chung của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

e) Giao Cổng Thông tin điện tử tỉnh công khai kết quả đánh giá chung của tỉnh trên trang thông tin điện tử Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh (b/c);
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (thực hiện);
- Lưu: VT, HCTC, THNC, KTN, KTNS, KGVX, HCC.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Văn Nguyễn

Phụ lục 1

Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo
 chế độ cửa, một cửa liên thông của các Sở, ban ngành tỉnh tháng 02/2025



(Kèm theo Văn bản số: 665... / VP-HCC ngày 04 / 3 / 2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan/ đơn vị	Công khai minh bạch (số điểm đạt/18 điểm)	Tiên độ giải quyết đúng hạn (số điểm đạt/20 điểm)	Dịch vụ trực tuyến (số điểm đạt/22 điểm)		Mức độ hài lòng (số điểm đạt được/ 18 điểm)	Số hóa hồ sơ (số điểm đạt/22 điểm)	Tổng điểm/ 100 điểm	Tổng hợp xếp loại
				DVCTT (12 điểm)	TTTT (10 điểm)				
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	18.0	17.3	11.6	10.0	17.8	13.7	74.6	Khá
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	18.0	19.8	8.5	10.0	18.0	10.0	74.3	Khá
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18.0	18.9	9.2	10.0	18.0	11.2	74.1	Khá
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	18.0	16.4	8.3	9.1	17.4	11.0	69.2	Trung bình
5	Sở Tư pháp	18.0	19.3	4.2	9.8	18.0	4.1	69.4	Trung bình
6	Sở Khoa học và Công nghệ	18.0	18.6	6.0	9.3	16.9	7.8	68.7	Trung bình
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	18.0	18.6	3.3	10.0	18.0	4.1	67.8	Trung bình
8	Sở Thông tin và Truyền thông	18.0	20.0	3.0	6.9	18.0	3.3	65.9	Trung bình
9	Sở Nội vụ	18.0	20.0	<u>0.7</u>	10.0	16.6	<u>0.8</u>	65.4	Trung bình

STT	Tên cơ quan/ đơn vị	Công khai minh bạch (số điểm đạt/18 điểm)	Tiến độ giải quyết đúng hạn (số điểm đạt/20 điểm)	Dịch vụ trực tuyến (số điểm đạt/22 điểm)		Mức độ hài lòng (số điểm đạt được/ 18 điểm)	Số hóa hồ sơ (số điểm đạt/22 điểm)	Tổng điểm/ 100 điểm	Tổng hợp xếp loại
				DVCTT (12 điểm)	TTTT (10 điểm)				
10	Sở Tài chính	18.0	19.0	6.2	<u>0.0</u>	18.0	7.7	61.2	Trung bình
11	Sở Y tế	15.3	18.1	3.8	6.4	16.5	3.9	60.2	Trung bình
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18.0	17.3	2.4	5.9	17.5	3.0	61.1	Trung bình
13	Sở Công Thương	<u>2.0</u>	19.4	10.2	10.0	18.0	9.7	59.6	Trung bình
14	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	18.0	14.3	1.6	8.0	16.8	<u>2.1</u>	58.7	Trung bình
15	Sở Ngoại vụ	18.0	16.7	<u>0.0</u>	2.5	17.3	<u>0.0</u>	54.5	Trung bình
16	Sở Giao thông vận tải	<u>1.4</u>	19.5	11.0	<u>2.0</u>	18.0	15.7	51.9	Trung bình
17	Sở Xây dựng	<u>2.7</u>	17.5	3.4	10.0	16.6	4.7	50.3	Trung bình
18	Ban Dân tộc	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	Không có hồ sơ trực tuyến	<u>0.0</u>	18.0	<u>0.0</u>	18.0	Chưa đủ nội dung đánh giá

Ghi chú: Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT); Thanh toán trực tuyến (TTTT).

Phụ lục 2
Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện tháng 02/2025
 (Kèm theo Văn bản số: 665 /VP-HCC ngày 04 / 3/2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Tên UBND cấp huyện	Số điểm đạt được/100 điểm	Tổng hợp xếp loại
1	UBND huyện Cẩm Mỹ	85.42	Tốt
2	UBND huyện Trảng Bom	82.29	Tốt
3	UBND huyện Nhơn Trạch	81.98	Tốt
4	UBND thành phố Biên Hòa	80.94	Tốt
5	UBND huyện Tân Phú	80.71	Tốt
6	UBND huyện Thống Nhất	80.33	Tốt
7	UBND huyện Định Quán	79.3	Khá
8	UBND huyện Xuân Lộc	75.57	Khá
9	UBND thành phố Long Khánh	74.79	Khá
10	UBND huyện Long Thành	71.22	Khá
11	UBND huyện Vĩnh Cửu	70.4	Khá



Phụ lục 3

Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp xã tháng 02/2025
(Kèm theo Văn bản số: 665 / VP-HCC ngày 04 /3/2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/ 100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
I	UBND huyện Nhon Trạch				
1	UBND xã Phú Hữu	81,06	10,72		Tốt
2	UBND xã Đại Phước	78,76	6,47		Khá
3	UBND xã Phú Hội	78,14	6,71		Khá
4	UBND xã Phú Đông	78,09	12,55		Khá
5	UBND xã Phước An	76,77	9,34		Khá
6	UBND xã Phước Khánh	74,56		6,85	Khá
7	UBND xã Long Tân	73,34	6,29		Khá
8	UBND xã Phú Thạnh	71,25	3,44		Khá
9	UBND thị trấn Hiệp Phước	71,06	0,27		Khá
10	UBND xã Vĩnh Thanh	70,81	8,21		Khá
11	UBND xã Phước Thiện	70,04		0,23	Khá
12	UBND xã Long Thọ	59,85		9,80	Trung bình
II	UBND thành phố Biên Hòa				
1	UBND phường Long Bình Tân	90,75			Xuất sắc
2	UBND phường Tân Hiệp	90,39			Xuất sắc
3	UBND phường Tân Vạn	89,77			Tốt
4	UBND phường Quang Vinh	89,5			Tốt
5	UBND phường Tân Phong	86,28			Tốt
6	UBND phường An Hòa	85,89			Tốt
7	UBND phường Hồ Nai	85,23			Tốt
8	UBND phường Tân Biên	84,43			Tốt
9	UBND phường Hóa An	84,41			Tốt
10	UBND phường Tân Hạnh	83,89			Tốt
11	UBND phường Trảng Dài	83,04			Tốt
12	UBND phường Phước Tân	82,18			Tốt
13	UBND phường Long Bình	81,78			Tốt
14	UBND phường Tam Phước	81,73			Tốt
15	UBND phường Tam Hiệp	81,15			Tốt
16	UBND phường Bình Đa	79,67			Khá
17	UBND phường An Bình	78,46			Khá

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
18	UBND phường Trung Dũng	78,1			Khá
19	UBND phường Bửu Hòa	77,14			Khá
20	UBND phường Thống Nhất	76,54			Khá
21	UBND xã Long Hưng	74,78			Khá
22	UBND phường Tân Hòa	72,57			Khá
23	UBND phường Hiệp Hòa	72,52			Khá
24	UBND phường Bửu Long	71,91			Khá
25	UBND phường Tân Mai	66,86			Trung bình
III	UBND thành phố Long Khánh				
1	UBND phường Xuân Lập	91,76	19,41		Xuất sắc
2	UBND phường Suối Tre	90,89	28,77		Xuất sắc
3	UBND phường Xuân Hòa	82,84	21,42		Tốt
4	UBND phường Xuân Tân	79,15	17,66		Khá
5	UBND xã Bàu Trâm	78,89	38,03		Khá
6	UBND phường Xuân An	77,82	18,53		Khá
7	UBND xã Hàng Gòn	77,3	22,50		Khá
8	UBND xã Bảo Quang	76,58	22,39		Khá
9	UBND phường Bảo Vinh	75,14	12,38		Khá
10	UBND phường Bàu Sen	74,15	15,47		Khá
11	UBND xã Bình Lộc	73,87	19,71		Khá
12	UBND phường Xuân Bình	73,04	22,04		Khá
13	UBND phường Phú Bình	59,45	16,96		Trung bình
IV	UBND huyện Tân Phú				
1	UBND xã Phú Xuân	90,01	4,77		Xuất sắc
2	UBND xã Phú Điền	89,21	15,21		Tốt
3	UBND xã Phú Lộc	87,06	13,77		Tốt
4	UBND xã Đắc Lua	87	23,95		Tốt
5	UBND xã Phú Lâm	86,7	27,20		Tốt
6	UBND xã Phú Bình	86,05	16,87		Tốt
7	UBND xã Phú Thanh	84,26	27,42		Tốt
8	UBND xã Phú Sơn	83,07	19,99		Tốt
9	UBND xã Phú Lập	81,9	12,83		Tốt
10	UBND xã Trà Cồ	80,59	18,83		Tốt
11	UBND xã Phú An	78,58	8,92		Khá
12	UBND xã Phú Thịnh	78,28	9,70		Khá
13	UBND xã Thanh Sơn	77,85	16,53		Khá

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
14	UBND thị trấn Tân Phú	77,25	9,06		Khá
15	UBND xã Nam Cát Tiên	66,53	16,90		Trung bình
16	UBND xã Tà Lài	66,45	13,02		Trung bình
V	UBND huyện Vĩnh Cửu				
1	UBND xã Thiện Tân	82,83	11,68		Tốt
2	UBND xã Trị An	74,31	3,70		Khá
3	UBND xã Vĩnh Tân	73,55	10,97		Khá
4	UBND xã Tân An	70,85	6,47		Khá
5	UBND xã Thạnh Phú	67,27	11,77		Trung bình
6	UBND thị trấn Vĩnh An	66,42	11,19		Trung bình
7	UBND xã Tân Bình	66,32	6,02		Trung bình
8	UBND xã Mã Đà	62,93	4,62		Trung bình
9	UBND xã Phú Lý	61,02	11,79		Trung bình
10	UBND xã Bình Lợi	58,17	0,98		Trung bình
VI	UBND huyện Trảng Bom				
1	UBND xã Giang Điền	91	21,94		Xuất sắc
2	UBND xã Đông Hòa	90,91	9,89		Xuất sắc
3	UBND xã Thanh Bình	90,31	24,27		Xuất sắc
4	UBND xã Đồi 61	90,28	18,26		Xuất sắc
5	UBND thị trấn Trảng Bom	89,33	15,79		Tốt
6	UBND xã Cây Gáo	86,33	25,38		Tốt
7	UBND xã Hưng Thịnh	85,33	7,33		Tốt
8	UBND xã Quảng Tiến	85,16	28,16		Tốt
9	UBND xã Sông Thao	84,25	7,44		Tốt
10	UBND xã An Viễn	83,18	20,46		Tốt
11	UBND xã Bình Minh	81,71	12,51		Tốt
12	UBND xã Hồ Nai 3	81,35	22,42		Tốt
13	UBND xã Sông Trầu	81,28	17,88		Tốt
14	UBND xã Tây Hòa	79,55	14,16		Khá
15	UBND xã Bắc Sơn	74,09	10,77		Khá
16	UBND xã Trung Hòa	70,24	7,13		Khá
17	UBND xã Bàu Hàm	62,6		0,01	Trung bình
VII	UBND huyện Long Thành				
1	UBND xã Tân Hiệp	88,49	14,98		Tốt
2	UBND xã Lộc An	87,74	23,84		Tốt
3	UBND xã Long Phước	85,5	19,98		Tốt

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
4	UBND xã Phước Thái	84,93	11,67		Tốt
5	UBND xã Bình An	84,29	17,31		Tốt
6	UBND xã Long Đức	84,19	13,94		Tốt
7	UBND xã Tam An	78,94	14,97		Khá
8	UBND xã Phước Bình	76,71	27,13		Khá
9	UBND xã Cẩm Đường	75,44	14,86		Khá
10	UBND xã Bàu Cạn	75,11	11,93		Khá
11	UBND xã Long An	72,88	12,27		Khá
12	UBND thị trấn Long Thành	69,4	6,66		Trung bình
13	UBND xã An Phước	66,89	7,51		Trung bình
14	UBND xã Bình Sơn	62,68	6,75		Trung bình
VIII	UBND huyện Cẩm Mỹ				
1	UBND xã Xuân Mỹ	91,72	8,24		Xuất sắc
2	UBND xã Lâm Sơn	91,39	6,94		Xuất sắc
3	UBND xã Nhân Nghĩa	90,92	9,04		Xuất sắc
4	UBND xã Xuân Đông	90,22	18,76		Xuất sắc
5	UBND xã Sông Ray	88,89	23,52		Khá
6	UBND xã Bảo Bình	88,36	17,68		Tốt
7	UBND xã Xuân Tây	88,31	12,70		Tốt
8	UBND xã Xuân Đường	86,61	17,52		Tốt
9	UBND xã Sông Nhạn	86,42	11,93		Tốt
10	UBND thị trấn Long Giao	85,91	18,11		Tốt
11	UBND xã Thừa Đức	79,8	8,74		Khá
12	UBND xã Xuân Quế	78,42	8,50		Khá
13	UBND xã Xuân Bảo	78,25	12,49		Khá
IX	UBND huyện Định Quán				
1	UBND xã Phú Lợi	90,37	17,32		Xuất sắc
2	UBND xã Ngọc Định	90,28	14,34		Xuất sắc
3	UBND xã Gia Canh	90,19	11,91		Xuất sắc
4	UBND thị trấn Định Quán	87,45	25,80		Tốt
5	UBND xã Phú Vinh	87,39	22,42		Tốt
6	UBND xã Phú Ngọc	85,88	22,68		Tốt
7	UBND xã Túc Trung	85,49	22,73		Tốt
8	UBND xã Phú Tân	83,64	13,97		Tốt
9	UBND xã Phú Cường	82,67	19,07		Tốt
10	UBND xã Phú Túc	82,16	23,89		Tốt

Stt	Đơn vị	Số điểm đạt được/ 100 điểm	Điểm tăng	Điểm giảm	Tổng hợp xếp loại
11	UBND xã Suối Nho	79,91	27,81		Khá
12	UBND xã Phú Hòa	77,09	14,10		Khá
13	UBND xã La Ngà	76,76	21,58		Khá
14	UBND xã Thanh Sơn	52,67	13,40		Trung bình
X	UBND huyện Thống Nhất				
1	UBND thị trấn Dầu Giây	90,26	19,95		Xuất sắc
2	UBND xã Bàu Hàm 2	84,71	11,44		Tốt
3	UBND xã Gia Tân 3	82,71	14,76		Tốt
4	UBND xã Gia Tân 1	79,13	19,38		Khá
5	UBND xã Hưng Lộc	78,53	26,23		Khá
6	UBND xã Lộ 25	76,92	30,41		Khá
7	UBND xã Xuân Thiện	75,17	26,70		Khá
8	UBND xã Gia Kiệm	73,44	11,20		Khá
9	UBND xã Quang Trung	73,41	15,69		Khá
10	UBND xã Gia Tân 2	67,6	14,72		Trung bình
XI	UBND huyện Xuân Lộc				
1	UBND xã Xuân Thành	91,33	23,85		Xuất sắc
2	UBND xã Xuân Hòa	91,02	13,53		Xuất sắc
3	UBND xã Xuân Bắc	88,45	19,55		Tốt
4	UBND xã Suối Cát	86,26	18,57		Tốt
5	UBND xã Xuân Hưng	85,86	3,31		Tốt
6	UBND xã Xuân Hiệp	85,69	13,57		Tốt
7	UBND xã Lang Minh	85,54	23,15		Tốt
8	UBND xã Suối Cao	83,11	11,86		Tốt
9	UBND xã Xuân Định	82,43	6,31		Tốt
10	UBND xã Xuân Phú	79,42	13,57		Khá
11	UBND xã Xuân Tâm	74,49	6,22		Khá
12	UBND thị trấn Gia Ray	74,2	9,74		Khá
13	UBND xã Xuân Thọ	72,3	4,47		Khá
14	UBND xã Xuân Trường	71,93	8,25		Khá
15	UBND xã Bảo Hòa	65,37	8,31		Trung bình